TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Lâm và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng *Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1997, địa chỉ: Số nhà 77, Tổ 3, Ấp 3, xã NT, huyện TP, tỉnh ĐN.

- *Bị đơn:* Anh **Thái Văn H**, sinh năm 1996, địa chỉ: Tổ 8, Ấp 1, xã NT, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày được thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Thái Văn H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có con chung với nhau trước khi kết hôn. Ngày 30/11/2017, chị sinh cháu Thái Hoàng P. Đến ngày 22/12/2017, thì vợ chồng đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn. Gia đình hai bên không tổ chức lễ cưới và thực tế sau đó vợ chồng cũng không sống

chung với nhau. Cuối năm 2018, khi cháu P được 01 tuổi thì chị mới chuyển về sinh sống cùng anh H tại nhà cha mẹ ruột của anh H. Vợ chồng sống chung với nhau được khoảng 01 tháng thì mâu thuẫn do tính tình của vợ chồng không hợp, anh H không lo làm ăn, thường nhậu nhẹt và đánh đập chị nên chị đưa con về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do vợ chồng không hòa giải được nên tháng 5/2019, chị khởi kiện xin ly hôn với anh H, trong quá trình giải quyết vụ án, chị đồng ý cho anh H cơ hội sửa đổi bản thân và chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng về sống chung những không có kết quả. Do vợ chồng không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Văn H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Thái Văn H có 01 (một) con chung là Thái Hoàng P, sinh ngày 30/11/2017, hiện cháu đang sống cùng với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai hết nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc và cũng không gửi, giao tài liệu, chứng cứ trình bày ý kiến của mình; nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình và quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận cho chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Thái Văn H; giao cháu Thái Hoàng P, sinh ngày 30/11/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; và anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác; về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh H có nơi cư trú tại Ấp 1, xã NT, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi chị N yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Trong quá trình sống chung, giữa anh H và chị N có xảy ra mâu thuẫn, thường cãi vã với nhau do anh H không chăm lo, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Thời gian anh H và chị N sống chung rất ngắn khoảng 01 tháng và từ đầu năm 2019, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau. Tháng 05/2019, chị N đã có đơn khởi kiện ly hôn với anh H, sau đó chị N rút đơn để vợ chồng đoàn tụ sống chung nhưng không có kết quả, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa. Chị N khởi kiện, anh H đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, cho thấy anh H không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau và cũng không đưa ra ý kiến gì phản đối việc chị N yêu cầu ly hôn với mình.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và

chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 01 (một) con chung là Thái Hoàng P, sinh ngày 30/11/2017. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bị đơn không gửi yêu cầu và cũng không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Mặt khác, trong thời gian vợ chồng không còn sống chung, con do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; bản thân cháu còn nhỏ nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ, chu đáo từ người mẹ và để tránh xáo trộn đối với cuộc sống của cháu và để đảm bảo cuộc sống, chi phí sinh hoạt tốt nhất cho con chung. Vì vậy, giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và bị đơn phải cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc giải quyết tài sản chung khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn kê khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc giải quyết nợ chung nên khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị N.

1.1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Thái Văn H.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Thái Hoàng P, sinh ngày 30/11/2017 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 07/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có tranh chấp.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 005679 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, được trừ vào án phí. Chị N đã nộp đủ.

Anh Thái Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức quy định tại khoản2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 62, ngày 22/12/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh